

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ I - KHỐI 10 (BUỔI CHIỀU)

NĂM HỌC 2026 - 2027

(CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY 10/8/2026)

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10D1	10D2	10D3
Thứ 2	1	Ngữ văn Kim Anh	Hóa học Trần Đức	Lịch sử Thanh Quang	Tin học Hải Tiếp	Toán Đạt Đăng	Vật lý Thành Nam	Toán Lê Thủy	Công nghệ Tiến Dũng	Công nghệ Đỗ Hồng
	2	Ngữ văn Kim Anh	Hóa học Trần Đức	Tin học Hải Tiếp	Lịch sử Thanh Quang	Toán Đạt Đăng	Vật lý Thành Nam	Toán Lê Thủy	KTPL Thu Hà	Sinh học Đỗ Hồng
	3	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Toán Đạt Đăng	Hóa học Trần Đức	Toán Gia Khánh	Ngữ văn Mai Linh	Tiếng Anh Minh Huệ	Công nghệ Tiến Dũng	Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Thủy Linh
	4	Sinh học Võ Hải	Toán Đạt Đăng	Hóa học Trần Đức	Toán Gia Khánh	Ngữ văn Mai Linh	Tiếng Anh Minh Huệ	Địa lí Đào Hiền	Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Thủy Linh
	5	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ
Thứ 3	1	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh NN	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Cẩm Tú	Tin học Ngọc Tuyền	KTPL Ngô Cúc	Ngữ văn Diệu Khanh	Tiếng Anh Thu Hương	Tiếng Anh NN
	2	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh NN	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Cẩm Tú	Hóa học Châu Văn	Lịch sử Phương Thanh	Ngữ văn Diệu Khanh	Toán Vũ Bình	Tiếng Anh NN
	3	Lịch sử Lê Thu	Ngữ văn Cẩm Tú	Ngữ văn Diệu Khanh	KTPL Ngô Cúc	Hóa học Châu Văn	Tiếng Anh Minh Huệ	Lịch sử Phương Thanh	Toán Vũ Bình	Sinh học Đỗ Hồng
	4	Vật lý Thành Nam	Lịch sử Lê Thu	Toán Văn Tráng	Hóa học Châu Văn	Tiếng Anh Cao Giang	Toán Văn Du	Lịch sử Phương Thanh	Địa lí Tú Hồng	Công nghệ Đỗ Hồng
	5	Vật lý Thành Nam		Toán Văn Tráng	Hóa học Châu Văn		Toán Văn Du	Tiếng Anh Minh Huệ	Lịch sử Lê Thu	Địa lí Tú Hồng
Thứ 4	1	Toán Văn Tráng	Toán Đạt Đăng	Tiếng Anh Hà Phương	Vật lý Lâm Quỳnh	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Kim Anh	Vật lý Mai Oanh	Tiếng Anh NN	Toán Thu Trang
	2	Toán Văn Tráng	Toán Đạt Đăng	Tiếng Anh Hà Phương	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Kim Anh	Vật lý Mai Oanh	Tiếng Anh NN	Toán Thu Trang
	3	Hóa học Châu Văn	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Diệu Khanh	Tiếng Anh Ngô Thúy	Toán Đạt Đăng	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	Ngữ văn Kim Anh
	4	Hóa học Châu Văn	Vật lý Mai Oanh	Ngữ văn Diệu Khanh	Tiếng Anh Ngô Thúy	Toán Đạt Đăng	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	Ngữ văn Kim Anh
	5	Ngữ văn Kim Anh	Vật lý Mai Oanh					Ngữ văn Diệu Khanh		
Thứ 5	1	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Cẩm Tú	Vật lý Trường Nghiêm	Tiếng Anh NN	Tin học Ngọc Tuyền	Toán Văn Du	Địa lí Đào Hiền	Toán Vũ Bình	Lịch sử Lê Thu
	2	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Cẩm Tú	Vật lý Trường Nghiêm	Tiếng Anh NN	Tin học Ngọc Tuyền	Toán Văn Du	Công nghệ Tiến Dũng	Toán Vũ Bình	Lịch sử Lê Thu
	3	Tiếng Anh NN	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	KTPL Thanh Nga	Tin học Bá Đại	Toán Lê Thủy	Lịch sử Lê Thu	KTPL Thu Hà
	4	Tiếng Anh NN	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh NN	Toán Gia Khánh	Vật lý Trường Nghiêm	Tin học Bá Đại	Toán Lê Thủy	Công nghệ Tiến Dũng	Địa lí Tú Hồng
	5		Tiếng Anh Thảo Hiền		Toán Gia Khánh	Vật lý Trường Nghiêm			Địa lí Tú Hồng	
Thứ 6	1	Toán Văn Tráng	Sinh học Võ Hải	HĐTNHN Lê Loan	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh Cao Giang	Tin học Bá Đại	Tiếng Anh Minh Huệ	Tiếng Anh Thu Hương	Toán Thu Trang
	2	Toán Văn Tráng	Tiếng Anh Thảo Hiền	KTPL Vũ Anh	Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Cao Giang	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh Minh Huệ	Tiếng Anh Thu Hương	Toán Thu Trang
	3	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh Thảo Hiền	Tiếng Anh Hà Phương	Tiếng Anh Ngô Thúy	Lịch sử Thanh Quang	Hóa học Trần Đức	KTPL Vũ Anh	Ngữ văn Cẩm Tú	Ngữ văn Kim Anh
	4	HĐTNHN Võ Hải	HĐTNHN Trần Đức	Toán Văn Tráng	HĐTNHN Thanh Quang	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Kim Anh	HĐTNHN Minh Huệ	HĐTNHN Cẩm Tú	Tiếng Anh Thủy Linh
	5			Toán Văn Tráng		HĐTNHN Mai Linh	HĐTNHN Kim Anh			HĐTNHN Lưu Đức

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I - KHỐI 10 (BUỔI SÁNG)

NĂM HỌC 2026 - 2027

(CÓ GIÁ TRỊ TỪ 17/8/2026)

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10D1	10D2	10D3
Thứ 2	1	Tiếng Anh NN	Sinh học Võ Hải	Tiếng Anh Hà Phương		Toán Đạt Đăng	Ngữ văn Kim Anh	Ngữ văn Diệu Khanh		Toán Thu Trang
	2	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Cẩm Tú	Toán Văn Tráng		Toán Đạt Đăng	Ngữ văn Kim Anh	Tiếng Anh Minh Huệ		Toán Thu Trang
	3	Toán Văn Tráng	Ngữ văn Cẩm Tú	Ngữ văn Diệu Khanh		Tiếng Anh NN	Toán Văn Du	Tiếng Anh Minh Huệ		Tiếng Anh Thủy Linh
	4	Toán Văn Tráng	Toán Đạt Đăng	Ngữ văn Diệu Khanh		Tiếng Anh NN	Tiếng Anh Minh Huệ	Toán Lê Thủy		Ngữ văn Kim Anh
	5	603	V01	314		602	V02	V03		511
Thứ 3	1	Vật lý Thành Nam		Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	Hóa học Châu Văn	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Thủy Linh
	2	Toán Văn Tráng		Tiếng Anh NN	Vật lý Lâm Quỳnh	Hóa học Châu Văn	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Thủy Linh
	3	Hóa học Châu Văn		Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Mai Linh	Toán Văn Du	Toán Lê Thủy	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Kim Anh
	4	Hóa học Châu Văn		Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Mai Linh	Toán Văn Du	Toán Lê Thủy	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Kim Anh
	5	603		314	100	103	105	106	511	602
Thứ 4	1	GDTC	GDTC	Vật lý Trường Nghiêm	Toán Gia Khánh	GDTC			GDTC	GDTC
	2	GDTC	GDTC	Vật lý Trường Nghiêm	Toán Gia Khánh	GDTC			GDTC	GDTC
	3	CLB	CLB	Toán Văn Tráng	Hóa học Châu Văn	CLB			CLB	CLB
	4	CLB	CLB	Toán Văn Tráng	Hóa học Châu Văn	CLB			CLB	CLB
	5			314	100					
Thứ 5	1		Tiếng Anh NN	GDTC	GDTC		GDTC	GDTC	Vật lý Lâm Quỳnh	Địa lí Tú Hồng
	2		Tiếng Anh NN	GDTC	GDTC		GDTC	GDTC	Vật lý Lâm Quỳnh	Lịch sử Lê Thu
	3		Hóa học Trần Đức	CLB	CLB		CLB	CLB	Toán Vũ Bình	Tiếng Anh NN
	4		Hóa học Trần Đức	CLB	CLB		CLB	CLB	Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh NN
	5		106						511	602
Thứ 6	1	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh Thảo Hiền		Ngữ văn Cẩm Tú	Toán Đạt Đăng	Vật lý Thành Nam	Ngữ văn Diệu Khanh	Toán Vũ Bình	
	2	Sinh học Võ Hải	Vật lý Mai Oanh		Ngữ văn Cẩm Tú	Tiếng Anh Cao Giang	Vật lý Thành Nam	Ngữ văn Diệu Khanh	Toán Vũ Bình	
	3	Ngữ văn Kim Anh	Toán Đạt Đăng		Tiếng Anh Ngô Thúy	Vật lý Trường Nghiêm	Tiếng Anh NN	Vật lý Mai Oanh	Tiếng Anh Thu Hương	
	4	Ngữ văn Kim Anh	Toán Đạt Đăng		Toán Gia Khánh	Vật lý Trường Nghiêm	Tiếng Anh NN	Vật lý Mai Oanh	Tiếng Anh Thu Hương	
	5	603	106		314	103	105	602	511	